

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định về phân cấp trữ lượng và
cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên*Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;**Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia; Vụ trưởng Vụ Pháp chế;**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và xác định nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên trong thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản; tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn nước khoáng thiên nhiên* là nước thiên nhiên dưới đất được thành tạo và chứa trong một cấu trúc địa chất có đặc điểm địa chất, địa chất thủy văn thuận

lợi cho việc hình thành, tích tụ, vận động của nước, có thành phần khoáng chất và các tính chất hóa học, vật lý, vi sinh, độ tinh khiết nguyên thủy ổn định theo thời gian, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

2. *Nguồn nước nóng thiên nhiên dưới đất* là nước thiên nhiên dưới đất được thành tạo và chứa trong một cấu trúc địa chất có đặc điểm địa chất, địa chất thủy văn thuận lợi cho việc hình thành, tích tụ, vận động của nước, có nhiệt độ lớn hơn hoặc bằng 30°C, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

3. *Độ tổng khoáng hóa* là tổng hàm lượng các chất khoáng hòa tan trong nước (các ion, các phân tử, các hợp chất) không kể chất khí.

Việc xác định độ tổng khoáng hóa theo lượng cặn sấy khô được viết tắt là TDS theo trọng lượng của các chất còn lại sau khi chưng cất và sấy khô một lít nước ở nhiệt độ 105°C - 110°C.

4. *Trữ lượng nước khoáng, nước nóng thiên nhiên* là phần nước khoáng đã được thăm dò chi tiết đảm bảo xác định một cách chắc chắn điều kiện tồn tại, sự ổn định về lưu lượng và chất lượng theo thời gian và mối quan hệ giữa nước khoáng với nước dưới đất.

5. *Tài nguyên dự tính nước khoáng, nước nóng thiên nhiên* là phần nước khoáng đã được thăm dò, điều tra sơ bộ điều kiện khai thác, sử dụng phục vụ cuộc sống con người.

6. *Mỏ nước khoáng, nước khoáng thiên nhiên* là những phần (đới, khoáng, diện tích hay tầng chứa nước) chứa nước khoáng được phân bố dưới mặt đất với khối lượng và chất lượng đảm bảo sử dụng hợp lý trong nền kinh tế quốc dân.

7. *Năm thủy văn* là thời gian được tính bắt đầu từ đầu mùa mưa năm trước đến cuối mùa khô năm sau. Năm thủy văn được tính từ ngày 01 tháng 5 năm trước đến ngày 01 tháng 5 năm sau.

Điều 4. Tên gọi nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên

1. Nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên được gọi tên theo thành phần hóa học (độ tổng khoáng hóa, hàm lượng nguyên tố hóa học, nhiệt độ, hợp chất hóa học) và có thể gọi tên theo địa danh hành chính nơi có nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

2. Trường hợp nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên có từ hai (02) chỉ số hàm lượng thành phần hóa học trở lên, được gọi tên theo thứ tự tên gọi quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. Ví dụ: nguồn nước khoáng thiên nhiên có độ tổng khoáng hóa ≥ 1500 mg/l và hàm lượng brom ≥ 5 mg/l được gọi là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa cao, brom.

Điều 5. Phân loại nhóm mỏ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên theo kết quả thăm dò

1. Căn cứ phân loại nhóm mỏ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên theo kết quả thăm dò bao gồm:

- a) Độ phức tạp về cấu trúc địa chất, điều kiện địa chất thủy văn;
- b) Mức độ đồng nhất về tính thấm của đất, đá chứa nước và mức độ thay đổi các đặc tính thủy hóa hoặc thủy địa nhiệt của các tầng chứa nước;
- c) Đặc điểm hệ thống dẫn nước, nguồn hình thành trữ lượng nước khoáng, nước nóng.

2. Mỏ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên được chia làm ba (03) nhóm, bao gồm:

- a) Nhóm mỏ đơn giản (gọi tắt là nhóm mỏ I);
- b) Nhóm mỏ phức tạp (gọi tắt là nhóm mỏ II);
- c) Nhóm mỏ rất phức tạp (gọi tắt là nhóm mỏ III).

3. Tiêu chí xác định nhóm mỏ I:

- a) Các mỏ dạng vỉa trong các bồn nước ngầm có áp;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn đơn giản;
- c) Tầng chứa nước có thể nằm ổn định, chiều dày được duy trì, tính thấm đồng nhất;
- d) Không có sự pha trộn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên với nguồn nước không phải là nước khoáng, nước nóng;
- đ) Các yếu tố về độ tổng khoáng hóa, hàm lượng nguyên tố hóa học (nguyên tố vi lượng), nhiệt độ hoặc hợp chất hóa học được tích tụ và hình thành nguồn nước, với trữ lượng khai thác chủ yếu là trữ lượng tĩnh đàn hồi hoặc trữ lượng động tự nhiên.

4. Tiêu chí xác định nhóm mỏ II:

- a) Một phần các mỏ dạng vỉa trong các bồn nước ngầm có áp, các mỏ thủy xâm nhập, các mỏ dạng khe nứt - mạch trong các cấu tạo địa chất có liên quan với các hệ thống phá hủy kiến tạo sâu, cũng như các mỏ trong vỏ phong hóa của đá kết tinh, đá biến chất và các trầm tích có tính thấm tương đối đồng nhất;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn phức tạp;
- c) Tầng chứa nước bị phân cắt bởi các hệ thống đứt gãy;
- d) Ranh giới giữa nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và nguồn nước không phải là nước khoáng, nước nóng có hình dạng phức tạp trên bình đồ và trên mặt cắt của bản vẽ, bản đồ khu vực thăm dò. Quá trình khai thác có thể xảy ra sự xâm nhập của nguồn nước không phải là nước khoáng, nước nóng đến công trình thu nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

đ) Các yếu tố về độ tổng khoáng hóa, hàm lượng nguyên tố hóa học (nguyên tố vi lượng), nhiệt độ hoặc hợp chất hóa học được tích tụ và hình thành nguồn nước, với trữ lượng khai thác có thể là trữ lượng động tự nhiên và trữ lượng tĩnh đàn hồi.

5. Tiêu chí xác định nhóm mỏ III:

a) Các mỏ khe nứt - dạng mạch trong các cấu tạo địa chất và trong các khối đá kết tinh và đá biến chất liên quan với sự phân bố các hệ thống đứt gãy nông, các mỏ thủy xâm nhập trong các tầng nước ngầm gần mặt đất, cũng như các mỏ trong vỏ phong hóa đá biến chất và kết tinh có tính thấm dị hướng mạnh;

b) Điều kiện địa chất thủy văn rất phức tạp;

c) Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên phân bố cục bộ trong phạm vi các đới khe nứt kiến tạo, thường rất không đồng nhất trong không gian, hoặc trong đá có tính thấm không đồng nhất và được đặc trưng bởi sự phân bố rất hạn chế;

d) Ranh giới thủy hóa hoặc thủy địa nhiệt có thể bị thay đổi trong quá trình khai thác; đối với các mỏ nhỏ hiện tượng này có thể xảy ra cả trong quá trình thí nghiệm. Trong quá trình khai thác có thể xảy ra sự xâm nhập của nguồn nước không phải là nước khoáng, nước nóng đến công trình thu nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

đ) Các yếu tố về độ tổng khoáng hóa, hàm lượng nguyên tố hóa học (nguyên tố vi lượng), nhiệt độ hoặc hợp chất hóa học được tích tụ và hình thành nguồn nước, với trữ lượng khai thác chủ yếu là trữ lượng động tự nhiên.

Điều 6. Bảo vệ nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên trong hoạt động thăm dò

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên có trách nhiệm thiết lập vành đai bảo vệ nguồn nước trong quá trình tổ chức thi công đề án thăm dò.

2. Vành đai bảo vệ nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên được chia làm hai khu bảo hộ vệ sinh (khu vực bảo vệ nghiêm ngặt và khu vực bảo vệ sinh thái):

a) Khu vực bảo vệ nghiêm ngặt được xác lập ngay tại nơi lộ nước, cụ thể là phạm vi khu vực bố trí các lỗ khoan hoặc giếng thăm dò nước. Phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt không nhỏ hơn năm mét (05m), tính từ miệng lỗ khoan, giếng thăm dò nước;

b) Khu vực bảo vệ sinh thái được xác định liền kề với khu vực bảo vệ nghiêm ngặt. Phạm vi khu vực bảo vệ sinh thái không nhỏ hơn mười mét (10m), tính từ mép ngoài của khu vực bảo vệ nghiêm ngặt.

3. Tổ chức, cá nhân thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên phải lập phương án hoặc giải pháp bảo vệ nguồn nước trong phạm vi vành đai bảo vệ nguồn nước; phải xây dựng công trình kiên cố hoặc bán kiên cố, bảo vệ nguồn nước trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt.

Chương II

PHÂN CẤP TRỮ LƯỢNG VÀ CẤP TÀI NGUYÊN DỰ TÍNH

NƯỚC KHOÁNG, NƯỚC NÓNG THIÊN NHIÊN

Điều 7. Phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên dự tính

1. Cơ sở phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên:

- a) Cấu tạo địa chất, điều kiện địa chất thủy văn và thủy địa nhiệt của mỏ;
- b) Chất lượng nước;
- c) Điều kiện khai thác bao gồm: hệ thống khai thác, mức độ ổn định của lưu lượng và mực nước trong các lỗ khoan, sự ăn mòn, mức độ lắng muối và tính liên tục trong khai thác nước.

2. Trữ lượng và tài nguyên dự tính nước khoáng, nước nóng thiên nhiên được chia thành các cấp như sau:

- a) Cấp trữ lượng gồm: Trữ lượng khai thác cấp A, trữ lượng thăm dò cấp B;
- b) Cấp tài nguyên dự tính gồm: Tài nguyên dự tính cấp C_1 , tài nguyên dự tính cấp C_2 .

3. Cơ sở đánh giá trữ lượng khai thác cấp A là kết quả khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên đã xác định chắc chắn điều kiện thể nằm, cấu tạo và thành phần thạch học của đất, đá chứa nước, sự thay đổi của chúng theo diện tích và mặt cắt, tính thấm của đá chứa nước.

4. Cơ sở đánh giá trữ lượng thăm dò cấp B là kết quả thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên đã xác định chắc chắn điều kiện thể nằm, cấu tạo và thành phần thạch học của đất, đá chứa nước, tính thấm của đá chứa nước và điều kiện cung cấp của tầng chứa nước.

5. Cơ sở đánh giá tài nguyên dự tính cấp C_1 là kết quả thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên hoặc kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã xác định tương đối chắc chắn điều kiện thể nằm, cấu tạo và thành phần thạch học của đất, đá chứa nước, tính thấm của đá chứa nước và điều kiện cung cấp của tầng chứa nước hoặc kề cận với khu vực có trữ lượng cấp B.

6. Cơ sở đánh giá tài nguyên dự tính cấp C_2 là kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã xác định bằng thí nghiệm trong tầng chứa nước tại các điểm đơn lẻ, hoặc lấy tương tự theo các khu vực đã thăm dò.

Điều 8. Đánh giá trữ lượng khai thác cấp A

1. Yêu cầu về đánh giá địa chất, địa chất thủy văn:

- a) Xác định rõ cấu tạo địa chất tầng chứa nước khoáng, sự phân bố và chiều dày các lớp cách nước, vai trò địa chất thủy văn của các đới phá hủy đứt gãy;
- b) Xác định được giá trị áp lực của các tầng chứa nước; điều kiện cung cấp của tầng chứa nước và khả năng phục hồi trữ lượng khai thác;